

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 03 (Đợt 2)

1. *Tên nhiệm vụ:* Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. *Ngày quan trắc:* 18 – 19/03/2024

Ngày cung cấp TT: 20/03/2024

3. *Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:*

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 và 2 đóng.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở 3 cánh.
5	9	Cống Lương Cồ	Cống mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở hé.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Phú Lý – cầu Phú Vân, Sông Đăm, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thương Tín, Kênh Hòa Bình.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Lương Cồ.

Không đạt mức D: Cống Liên Mạc, Cầu Diên, Đập Hà Đông, Cầu Tô, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng Lưu), Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Văn Đình tại Cầu Bàu, Kênh Duy Tiên, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Đông 4 km/h. Không có dòng chảy. Cổng Liên Mạc 1 và 2 đóng. Nước màu xanh.	7.52	14.5	0.98	0.4	4.429	1.710	593	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đâm, kênh Xuân La vào.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	7.26	20.7	1.79	0.4	3.030	2.385	547	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
3	Đập Hà	Đánh giá chất lượng nước vị	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 69%, mật	7.32	27.1	0.3	0.6	28.516	2.813	842	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Dòng	trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đám, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu đen.								Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tô	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.11	26.3	0.43	0.6	36.908	2.385	859	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình, hai bên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen.	7.46	20.9	0.79	0.6	27.894	3.398	807	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 7 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Đập mờ. Nước màu đen.	7.39	20.6	0.72	0.6	26.030	2.453	801	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thân	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.42	27.2	0.61	0.6	31.546	1.688	839	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu	Trời hửng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy nhanh về	7.36	36.5	0.87	0.6	16.239	3.083	720	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		ở thượng lưu đập.	hạ lưu, đập mở 3 cánh. Thượng lưu đập dồn ứ nhiều bèo. Nước màu đen.								đạt mức B
9	Cống Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Cống mở. Nước ô nhiễm từ Nhật Tựu chưa chảy về tới cống Lương Cỏ. Nước màu xanh lục.	7.8	25.9	2.91	0.5	6.138	1.845	607	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông	Trời hừng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm ra	7.34	20.8	4.11	0.4	1.368	2.363	555	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	sông Đáy. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.								đạt mức B
11	Sông Đám	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Đông 4 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước cao. Nước màu nâu đục.	7.1	41.7	4.16	0.4	0.932	1.913	494	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 5 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.59	32.5	0.36	0.6	30.225	2.408	897	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh	Đánh giá chất lượng nước	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 71%, mật	7.21	29.7	0.31	0.6	27.739	2.003	907	Chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	Liệt	sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	độ mây 100%, gió ĐĐB 6 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.									hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Đông 4 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Mực nước trung bình, cồng mớ. Nước màu vàng xanh.	7.46	30.6	0.79	0.5	12.199	1.755	702		Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 5 km/h. Dòng chảy chậm ra	7.16	25.7	0.42	0.6	16.706	2.385	819		Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	sông Nhuệ. Cổng mở tiêu nước. Mực nước trung bình. Nước màu xám đen.								đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 5 km/h. Dòng chảy chậm, cổng mở hé tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.25	30.2	0.59	0.6	24.631	2.003	876	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước	7.2	22.9	0.76	0.6	33.023	1.508	907	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	trung bình. Khu vực lấy mẫu đang kê phía hạ lưu cầu. Nước màu đen.								đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 5 km/h. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.29	21.7	0.43	0.6	39.316	1.035	916	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 7 km/h. Dòng chảy chậm về	7.46	20.6	0.42	0.6	23.699	2.723	856	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		sông Dáy.	hướng sông Dáy. Mục nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.								
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Nhuệ vào, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.4	26.7	0.72	0.6	28.904	1.935	820	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở hé, mực nước trung	7.82	45.7	0.79	0.6	15.929	4.185	907	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		khí đỏ ra sông Nhuệ.	binh. Nước màu xám đen.								
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước cao. Nước màu nâu đục.	7.49	36.5	4.39	0.3	0.754	2.880	507	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trong nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước	7.59	20.5	4.76	0.3	1.158	2.385	426	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			màu xanh lục.								

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn